

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050002	ĐINH THÀNH	14/09/2002	CCQ2005A			<i>Đinh Thành</i>	6,0	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050004	HỒ HOÀNG	13/12/2002	CCQ2005A			<i>Hồ Hoàng</i>	7,0	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050005	BÙI TRỌNG	02/06/2002	CCQ2005A			<i>Bùi Trọng</i>	7,0	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050071	LÊ VIỆT	17/01/2002	CCQ2005C			<i>Lê Việt</i>	5,5	5,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050006	VÕ THANH	24/08/2002	CCQ2005A			<i>Võ Thanh</i>	7,5	7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050007	TRẦN MẬU	01/09/2002	CCQ2005A			<i>Trần Mậu</i>	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050010	TRẦN TUẤN	03/02/2002	CCQ2005A			<i>Trần Tuấn</i>	8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050009	NGUYỄN PHI	24/06/2002	CCQ2005A			<i>Nguyễn Phi</i>	8,0	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050012	HỒ NHỰT	17/12/2002	CCQ2005A			<i>Hồ Nhựt</i>	6,0	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050013	NGUYỄN VŨ	08/03/2002	CCQ2005A			<i>Nguyễn Vũ</i>	6,5	7,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050014	NGUYỄN DUY	05/12/2002	CCQ2005A			<i>Nguyễn Duy</i>	7,5	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050011	ĐỖ TẤN	11/09/2002	CCQ2005A			<i>Đỗ Tấn</i>	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050016	TRẦN DUY	16/04/2002	CCQ2005A			<i>Trần Duy</i>	7,0	7,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050019	TRƯƠNG CHÍ THANH	13/08/2001	CCQ2005A			<i>Trương Chí Thanh</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050018	NGUYỄN HỒNG	10/01/2002	CCQ2005A			<i>Nguyễn Hồng</i>	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050020	TRẦN NGỌC	08/06/2002	CCQ2005A			<i>Trần Ngọc</i>	8,0	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050021	PHẠM	28/02/1998	CCQ2005A			<i>Phạm</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050023	HÀ THANH	10/08/2002	CCQ2005A			<i>Hà Thanh</i>	7,5	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050024	PHẠM NGUYỄN TIẾN	07/10/2002	CCQ2005A			<i>Phạm Nguyễn Tiến</i>	6,0	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050025	VÕ TẤN	23/12/2002	CCQ2005A			<i>Võ Tấn</i>	6,0	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050106	NGUYỄN LÊ THÀNH	THÔNG	06/04/2002	CCQ2005D		<i>Thành</i>	7,0	7,0	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120050036	THÁI XUÂN	DÂN	16/12/2002	CCQ2005B		<i>Dân</i>	5,5	5,5	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120050038	DƯƠNG THÀNH	ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B		<i>Đạt</i>	5,0	7,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2120050039	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	15/10/2002	CCQ2005B		<i>Đạt</i>	8,0	6,5	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120050040	NGUYỄN ANH	ĐƯỢC	22/12/2002	CCQ2005B		<i>Được</i>	7,0	7,5	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀNG	05/02/2002	CCQ2005B		<i>Hoàng</i>	8,0	6,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120050044	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B		<i>Minh</i>	6,5	5,5	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
8	2120050042	LÊ TRẦN QUANG	HUY	05/11/2002	CCQ2005B		<i>Huy</i>	5,5	6,0	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120050047	HUỲNH PHÚ	LÂM	01/03/2002	CCQ2005B		<i>Phú</i>	5,0	6,5	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
10	2120050048	LÊ VĂN	LỢI	01/07/2002	CCQ2005B		<i>Lợi</i>	5,5	6,0	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120050128	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A		<i>Hoàng</i>	6,0	8,0	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120050026	BÙI VĂN	TÀI	05/01/2001	CCQ2005A		<i>Tài</i>	8,0	6,5	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120050027	BÙI VĂN DUY	TÂN	08/12/2002	CCQ2005A		<i>Duy</i>	6,0	8,0	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120050029	NGUYỄN THIÊN	THÀNH	26/07/2000	CCQ2005A		<i>Thiên</i>	7,0	6,5	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120050028	NGUYỄN THẾ	TÂN	24/09/2001	CCQ2005A		<i>Thế</i>	6,0	9,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120050030	LÊ VĂN	THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A		<i>Thịnh</i>	6,5	6,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2120050032	LÊ THANH	TUẤN	03/07/2002	CCQ2005A		<i>Thanh</i>	7,0	6,5	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI	VŨ	06/07/2002	CCQ2005A		<i>Hoài</i>	7,0	6,5	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120050034	CAO VĂN TUẤN	VŨ	16/12/2001	CCQ2005A		<i>Tuấn</i>	5,0	8,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050049	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B			<i>Nguyễn</i>	6,5	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050050	BÙI VŨ BÁCH	20/02/2002	CCQ2005B			<i>Bùi Vũ Bách</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050051	ĐÌNH VĂN	26/06/2002	CCQ2005B			<i>Đình Văn</i>	5,0	5,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050052	SƠN	22/11/2002	CCQ2005B			<i>Sơn</i>	7,5	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050053	NGUYỄN XUÂN	06/09/2001	CCQ2005B			<i>Phú</i>	6,5	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050054	TRƯƠNG BÌNH	18/05/2001	CCQ2005B			<i>phước</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050056	TRẦN BÁ	26/09/2002	CCQ2005B			<i>amico</i>	6,0	6,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120110125	HUỖNH VĂN	18/09/2000	CCQ2005D							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050058	VŨ ĐỨC	15/10/2001	CCQ2005B			<i>Tài</i>	5,5	5,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050059	BÁ HOÀNG	29/09/2001	CCQ2005B			<i>Ng</i>	5,5	5,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120110097	HUỖNH VĂN	26/05/2002	CCQ2005D			<i>Thà</i>	5,5	5,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050060	HUỖNH HỮU	02/06/2002	CCQ2005B			<i>Thái</i>	6,5	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050061	NGUYỄN MINH	25/07/2001	CCQ2005B			<i>Ti</i>	7,5	6,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050062	PHAN TRỌNG	22/05/2002	CCQ2005B			<i>Tính</i>	7,0	5,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050063	TÔ VĂN	27/06/2002	CCQ2005B			<i>Long</i>	7,0	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050065	HUỖNH MINH	08/12/2002	CCQ2005B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050067	TRẦN MINH	10/08/2002	CCQ2005B			<i>Ng</i>	6,0	5,5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050066	NGUYỄN NGỌC THANH	17/03/2002	CCQ2005B			<i>Tùng</i>	6,5	8,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050068	THIÊN NGỌC	02/12/2002	CCQ2005B			<i>Vân</i>	5,0	5,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050069	NGUYỄN CHÍ	01/11/2002	CCQ2005B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050098	TRẦN QUỐC CƯỜNG	05/03/2002	CCQ2005C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120050099	MAI HỒNG	05/11/2002	CCQ2005C			<i>Dũng</i>	7.0	5.5	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
3	2120050100	ĐOÀN ĐỨC	08/06/2002	CCQ2005C			<i>Đức</i>	7.0	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2120050075	LÊ VĂN	25/01/2002	CCQ2005C			<i>Th</i>	8.0	7.5	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120050076	LÊ TIỀN	13/08/2002	CCQ2005C			<i>Th</i>	6.5	6.5	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2120050101	NGUYỄN HỮU	09/12/2002	CCQ2005C			<i>Đức</i>	6.0	6.5	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120050102	NGUYỄN	12/06/2002	CCQ2005C			<i>Luật</i>	6.5	6.5	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120050079	THIÊN SANH	16/02/2000	CCQ2005C			<i>Sol</i>	5.5	5.0	5.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120050078	PHÚ VĂN	11/03/2001	CCQ2005C			<i>Wang</i>	5.0	5.5	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120050080	PHẠM CÔNG	06/06/2002	CCQ2005C			<i>Sy</i>	6.5	6.5	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120050081	LƯƠNG TRÍ	06/10/2000	CCQ2005C			<i>Trí</i>	6.0	6.5	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120050084	LÊ VĂN	01/01/2002	CCQ2005C			<i>Max</i>	6.0	6.5	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120050104	TRƯƠNG THANH	04/05/2002	CCQ2005C			<i>Thanh</i>	7.0	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120050087	TRẦN NHẬT	21/05/2001	CCQ2005C			<i>Tâm</i>	7.5	7.5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120050088	NGUYỄN CÔNG	06/11/2002	CCQ2005C			<i>Thanh</i>	7.0	6.5	6.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120060052	NGUYỄN VĂN	16/07/2001	CCQ2005C			<i>Đa</i>	6.5	7.0	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2120050091	NGUYỄN NHẬT	24/02/2002	CCQ2005C			<i>Tân</i>	6.0	6.0	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120050092	TRẦN QUỐC	23/06/2001	CCQ2005C			<i>Th</i>	6.5	7.0	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120120515	NGUYỄN QUỐC	30/08/2002	CCQ2005C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120050105	NGUYỄN HOÀNG ANH	14/12/2002	CCQ2005C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050095	PHAN NGỌC TÚ	12/03/2002	CCQ2005C			<i>Tu</i>	<i>7.5</i>	<i>7.0</i>	<i>7.2</i>	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120050096	ĐẠT ĐẠI HOÀNG VŨ	17/07/2002	CCQ2005C							(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 05**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200002	ĐOÀN HỮU BẮNG	30/10/2002	CCQ2005D			<i>Bằng</i>	8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050107	ĐÀO VĂN CÔNG	22/04/2001	CCQ2005D			<i>Công</i>	5,5	6,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050108	NGUYỄN TRÚC DUY	05/07/2002	CCQ2005D			<i>Duy</i>	8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050110	PHẠM CÔNG HẬU	30/08/2002	CCQ2005D			<i>Hậu</i>	5,5	5,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050136	NGÔ NGUYỄN HOÀNG HIỆP	28/01/2002	CCQ2005D			<i>Hiệp</i>	7,0	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050112	NGUYỄN THANH HOÀNG	03/12/2002	CCQ2005D			<i>Hoàng</i>	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050137	NGUYỄN HOÀNG HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	6,0	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050113	TẠ NGỌC HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	6,0	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050115	TRƯƠNG DUY KHÁNH	13/06/2002	CCQ2005D							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050117	NGUYỄN TUẤN ANH	19/09/2001	CCQ2005D							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120170330	NGUYỄN VĂN KHOA	05/11/2002	CCQ2005D			<i>Khoa</i>	6,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120170404	TRẦN DUY KHOAN	18/11/2002	CCQ2005D			<i>Khoan</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120170538	NÃO VĂN KY	20/02/2002	CCQ2005D			<i>Ky</i>	6,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120240108	HỒ LÊ HOÀNG NAM	13/09/2002	CCQ2005D			<i>Nam</i>	6,5	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050119	NGUYỄN PHÚC NHÂN	09/06/2001	CCQ2005D			<i>Nhan</i>	5,5	5,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050123	NGUYỄN NGỌC THIÊN	31/07/2002	CCQ2005D			<i>Thiên</i>	6,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050138	VI PHÚ THỊNH	30/11/2002	CCQ2005D			<i>Thinh</i>	6,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050124	LÊ VŨ TRƯỜNG	17/11/2002	CCQ2005D			<i>Truong</i>	6,0	5,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050139	ĐỖ QUỐC	30/07/2002	CCQ2005D			<i>Quoc</i>	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050125	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	04/09/2002	CCQ2005D			<i>Tuan</i>	6,0	7,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 05**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>		<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050140	PHẠM VĂN VÀNG	27/04/2002	CCQ2005D			<i>Vàng</i>	6,5	6,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120170527	ĐÌNH QUANG VINH	10/01/2002	CCQ2005D			<i>Cường</i>	6,5	6,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120050126	PHAN THANH VINH	03/04/2002	CCQ2005D			<i>Phan</i>	6,0	6,5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)